

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung, nợ chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Nguyễn Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2020/TLPT - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 28/2020/HNGĐ-ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Diệp Mỹ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn (về phần chia tài sản và nợ chung): bà Nguyễn Diệu H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp 7, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P (T), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Lê Diễm T, sinh năm 1975.

- Bà Châu Mỹ H, sinh năm 1962.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953.

- Ông Thái N, sinh năm 1940.

- Ông Trương Thanh Nh, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ông Lê Văn S.

Địa chỉ: ấp An N, xã Định A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1988.

- Ông Lê Văn Kh.

Cùng địa chỉ: ấp 8, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ông Nguyễn Út L.

Địa chỉ: ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ông Ngô Văn Tr, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp 6, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Ông Lê Văn T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp 10, xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Diệu H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp 7, xã Khánh H, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Công ty T.

Địa chỉ: Tầng G, đường Nguyễn Đăng L, phường T, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Tài chính F.

Địa chỉ: số 144, đường C, phường 12, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H.

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24C, đường Phan Đăng L, phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Tâm H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 30, đường L, khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh P (T) – Bị đơn.

Tại phiên tòa, bà H, anh P, ông Tr có mặt, các đương sự còn lại Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Diệp Mỹ L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh P chung sống với nhau như vợ chồng năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong lối sống và trong sinh hoạt hàng ngày, anh P không lo làm ăn, chơi bời như đá gà, gây ra nợ. Mâu thuẫn giữa vợ chồng được cha mẹ hai bên hàn gắn, nhưng anh P không sửa đổi. Chị xét thấy giữa chị và anh P không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không mang hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: 01 chiếc xe hiệu SH Mos trị giá 64.000.000 đồng; 01 tivi hiệu Nakio trị giá 12.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 12.000.000 đồng; 01 dàn loa hát karaoke trị giá 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 99.000.000 đồng, các tài sản do anh P đang quản lý, chị yêu cầu chia theo giá trị. Về nợ chung: Nợ Công ty tài chính H số tiền 22.000.000 đồng; Nợ Công ty Tài chính F số tiền 18.000.000 đồng; Nợ Công ty T số tiền 22.000.000 đồng. Chị yêu cầu chia nợ chung theo quy định pháp luật.

Về nợ riêng: Anh P có nợ mẹ ruột chị là bà Nguyễn Diệu H số tiền 25.000.000 đồng.

Chị thống nhất còn nợ theo anh P kê khai gồm: Nợ ông Trương Thanh Nh tiền hụi 15.000.000 đồng và tiền tô, tổng cộng 20.750.000 đồng, chị đồng ý trả 1/2; Nợ ông Lê Văn T 01 chỉ vàng 24K, mỗi người trả 1/2; Nợ anh Nguyễn Hải L 3.000.000 đồng; Nợ bà Châu Mỹ H 3 tháng tiền trả góp tổng cộng 4.359.000 đồng và 15 lần góp còn lại mỗi tháng 1.453.000 đồng. Chị đồng ý chia các khoản nợ chung nêu trên. Các khoản nợ khác chị không biết nên không đồng ý theo yêu cầu của anh P chia nợ để trả.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Diệu H đại diện theo ủy quyền của chị L trình bày: Về tài sản chung bà thống nhất với giá trị tài sản còn lại do anh P trình bày, bà yêu cầu chia tài sản chung và anh P giao lại tiền cho con bà. Về nợ chung: Nợ ông Nh, bà D, còn phần nợ khác bà không biết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày:

Về quan hệ vợ chồng, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung đúng như lời chị Diệp Mỹ L trình bày. Đối với các yêu cầu của chị L, anh có ý kiến:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Thống nhất lời trình bày của chị L, anh chấp nhận chia theo quy định pháp luật. Tài sản chung giá trị còn lại cụ thể: xe SH giá trị còn lại

38.600.000 đồng, tivi giá 6.500.000 đồng, tủ lạnh giá 6.500.000 đồng, loa giá 5.000.000 đồng. Anh đồng ý nhận tài sản, giao lại tiền cho chị L nếu chia phần nợ.

Về nợ chung: Nợ ông Trương Thanh Nh, bà Lê Thị Diễm T đã chia phần nợ này anh còn trả là 8.300.000 đồng. Nợ ông Lê Văn T 01 chỉ vàng 24K. Thống nhất chia đôi khoản nợ của anh T; Nợ bà Châu Mỹ H số tiền 28.000.000 đồng, đối với khoản nợ của bà H: yêu cầu chia đôi để trả. Nợ ông Lê Văn Kh số tiền 5.500.000 đồng. Nợ ông Ngô Văn Tr số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng, anh yêu cầu chia nợ chung số tiền 50.000.000 đồng, tiền lãi anh không đồng ý, xin được trả vốn. Nợ ông Nguyễn Út L số tiền 10.000.000 đồng, mẹ anh đã trả nên yêu cầu chia nợ này; Nợ ông Nguyễn Hải L số tiền 7.500.000 đồng; Nợ ông Thái N số tiền 5.500.000 đồng, gốc 5.000.000 đồng, anh yêu cầu trả gốc, không đồng ý trả lãi; Nợ ông Lê Văn S số tiền 6.000.000 đồng (tiền mua dàn karaoke), đây là nợ mua tài sản chung nên yêu cầu chia để trả. Phần nợ hai công ty tài chính chị L trình bày anh không biết, chỉ nợ 01 ngân hàng khi mua tivi.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *Bà Châu Mỹ H trình bày:* Bà có vay Ngân hàng F 20.000.000 đồng cho chị L mở shop quần áo, trả góp 28 tháng, mỗi tháng góp 1.453.000 đồng. Đã góp được 13 lần, phần còn lại phải góp 15 lần là 22.000.000 đồng, yêu cầu L và P cùng trả cho bà để bà trả cho Ngân hàng. Còn số tiền 9.000.000 đồng là số tiền bà đã góp cho Ngân hàng trước đó cộng với tiền mua xe, tiền mượn. Số tiền bà yêu cầu L, P phải trả cho bà tổng cộng là 28.000.000 đồng. L đã trả được 2.000.000 đồng, nay bà yêu cầu chị L trả cho bà là 12.000.000 đồng và anh P phải trả cho bà 14.000.000 đồng; Đối với khoản nợ của ông Út L 10.500.000 đồng, bà đã thay L và P trả cho ông Út L. Nay bà yêu cầu L và P phải trả lại cho bà số tiền 10.500.000 đồng.

- *Ông Trương Thanh Nh trình bày:* Ông là hàng xóm với anh P, chị L. Năm 2018, ông có bán tôm giống cho vợ chồng anh P, chị L 02 đợt. Đợt 1 là 100.000 con số tiền là 4.000.000 đồng, đợt 2 vào tháng 6 là 50.000 con số tiền là 1.750.000 đồng. Tổng số tiền 02 đợt là 5.750.000 đồng. Ngày 09/02/2018 vợ chồng anh P, chị L có tham gia chơi hụi của ông đây hụi 1.000.000 đồng gồm 25 hụi viên, vào ngày 09/8/2018 vợ chồng anh P hốt và đóng đến ngày 19/11/2018 không đóng từ ngày 19/12/2018, số tiền còn lại phải đóng là 15.000.000 đồng, tổng 02 khoản nợ là 20.750.000 đồng. Anh P và chị L đồng ý mỗi người trả một nửa ông đồng ý.

- *Bà Trần Lê Diễm T trình bày:* vợ chồng L, P có nợ vợ chồng bà số tiền hụi và tôm tổng cộng 20.750.000 đồng, tại buổi hòa giải mỗi người đồng ý trả một nửa bà đồng ý, L đã trả được hơn 3.000.000 đồng, P đã trả được một ít, còn nợ lại 8.300.000 đồng, bà yêu cầu anh P trả cho vợ chồng bà số tiền 8.300.000 đồng còn thiếu, đối với khoản nợ chị L thừa nhận bà không yêu cầu vì mẹ chị L đã nhận trả.

- *Anh Nguyễn Hải L trình bày:* Chị L, anh P bán tôm cho anh, anh P có hỏi mượn tiền anh vài lần. Lần đầu có chị L, anh P có mượn anh 1.000.000 đồng. Sau

đó anh P lần lượt hỏi mượn anh nhiều lần với số tiền 6.500.000 đồng. Nay anh yêu cầu chị L, anh P trả lại tổng số tiền 7.500.000 đồng. Tùy vợ chồng anh P thỏa thuận thế nào, miễn trả lại cho anh đủ số tiền trên.

- *Anh Lê Văn T trình bày:* Vợ chồng anh P, chị L có mượn 1 chỉ vàng 24K. Nay anh và vợ chồng anh P, chị L thỏa thuận được nên anh không tiếp tục yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Ông Lê Văn S trình bày:* Anh P nợ tiền mua loa là 6.000.000 đồng, anh P đồng ý trả nên ông không tiếp tục yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Ông Thái N trình bày:* Khoản nợ anh P thiếu là tiền hỏi, không có biên nhận. Lúc hỏi thì do anh P hỏi, tiền gốc là 5.000.000 đồng, tiền lãi là 500.000đ/tháng, còn hơn 4 tháng chưa đóng lãi. Lúc đóng lãi thì không biết ai đóng do vợ ông vô nhà lấy. Nay ông chỉ yêu cầu anh P trả tiền gốc và tiền lãi còn thiếu, do P là người trực tiếp hỏi ông yêu cầu trả tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi 2.000.000 đồng.

- *Bà Nguyễn Thị T trình bày:* Việc P vay tiền của chồng bà có biết, việc đóng lãi do P đóng sau đó P không đóng thì bà có đến nhà đòi thì P có kêu L đóng tiền lãi được khoảng 2 lần, việc P vay tiền, chồng bà nói L không biết. Bà xin vắng mặt xét xử.

- *Ông Ngô Văn Tr trình bày:* Anh P vay của anh số tiền 80.000.000 đồng có viết biên nhận nên anh yêu cầu anh P trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chị L cùng trả.

- *Bà Nguyễn Diệu H trình bày:* Bà có đưa L số tiền 25.000.000 đồng để chuộc xe, xe P sử dụng nhưng không trả lại tiền cho bà nên bà yêu cầu anh P trả lại số tiền 25.000.000 đồng cho bà.

- *Đại diện theo ủy quyền của Công ty H, ông Lê Tâm H trình bày:* yêu cầu chị L trả số tiền vay còn thiếu là 11.764.284 đồng do vay tiền mua tivi và xin vắng mặt do bận công việc.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 28/2020/HNGĐ – ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện U:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Diệp Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung: Gồm các tài sản 01 chiếc xe hiệu SH Mos trị giá 38.600.000 đồng; 01 tivi hiệu Nakio trị giá 6.500.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 6.500.000 đồng; 01 dàn loa hát karaoke trị giá 5.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 56.600.000 đồng, hiện anh P quản lý. Mỗi người được chia một nửa tài sản chung. Anh Nguyễn Thanh P được nhận các tài sản này, anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ giao lại cho chị L một nửa giá trị tài sản chung được chia bằng số tiền 28.300.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ của bà Trần Lê Diễm T và ông Trương Thanh Nh đối với chị Điệp Mỹ L.

Buộc anh Nguyễn Thanh P trả cho bà Trần Lê Diễm T và ông Trương Thanh Nh 8.300.000 (Tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

Buộc Nguyễn Thanh P trả cho bà Châu Mỹ H số tiền 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng; ông Ngô Văn Tr số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng; ông Thái N và bà Nguyễn Thị T tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.419.500 đồng, tổng cộng 6.419.500 (Sáu triệu bốn trăm mười chín ngàn năm trăm) đồng và chị Điệp Mỹ L số tiền 5.882.142 (Năm triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, một trăm bốn mươi hai) đồng.

Buộc chị Điệp Mỹ L trả cho bà Châu Mỹ H 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 11.764.284 (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi bốn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Châu Mỹ H đối với anh Nguyễn Thanh P và chị Điệp Mỹ L về việc trả số tiền 10.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Diệu H đối với ông Nguyễn Thanh P về việc trả số tiền 25.000.000 đồng.

- Nợ ông Lê Văn T 1 chỉ vàng 24K; nợ anh Nguyễn Hải L 7.500.000 đồng; Nợ ông Lê Văn S là 6.000.000 đồng; ông Lê Văn Kh số tiền 5.500.000 đồng, nợ ông Nguyễn Út L 10.500.000 đồng; Nợ Công ty Tài chính F và Công ty T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, khi có tranh chấp có quyền kiện thành vụ kiện khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm: chị Điệp Mỹ L phải nộp tổng cộng 2.903.214 đồng. Chị Điệp Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí 1.537.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004173 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Điệp Mỹ L phải nộp tiếp án phí số tiền 1.366.214 (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm mười bốn) đồng.

Anh Nguyễn Thanh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 6.850.950 (Sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn, chín trăm năm mươi) đồng.

Bà Nguyễn Diệu H phải nộp tạm ứng án phí số tiền 1.250.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004242 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí, bà H phải nộp tiếp 625.000 đồng.

Bà Châu Mỹ H phải nộp tạm ứng án phí số tiền 525.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 622.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004588 ngày 16/9/2019 và biên lai thu số 0004586 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả bà Châu Mỹ H 97.000 (Chín mươi bảy ngàn) đồng.

Hoàn trả ông Thái N tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004291 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả ông Ngô Văn Tr tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004293 ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả ông Trương Thanh Nh và bà Trần Lê Diễm T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 418.000 (Bốn trăm mười tám ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004578 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004579 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/12/2020 anh Nguyễn Thanh P kháng cáo không đồng ý trả khoản nợ của ông Ngô Văn Tr, anh P xác định đây là khoản nợ chung phục vụ gia đình, yêu cầu chia nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng cùng trả mỗi người 1/2.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có kháng cáo; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về mối quan hệ hôn nhân và con chung, phân chia tài sản và nghĩa vụ thanh toán nợ của người liên quan khác trong vụ án không có kháng cáo, kháng nghị, đã phát sinh hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U, buộc chị Diệp Mỹ L có trách nhiệm cùng anh Nguyễn Thanh P mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ của ông Ngô Văn Tr, anh cho rằng tiền vốn là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo đơn kháng cáo của anh P chỉ yêu cầu chia đôi số nợ 80.000.000 đồng, vợ chồng cùng có trách nhiệm thanh toán.

Phần nợ của ông Ngô Văn Tr theo nội dung biên nhận ghi là “80.000đ tám chục triệu đồng” được thể hiện ngày 22/02/2017 được anh P thừa nhận ký tên tại biên nhận, không thể hiện vốn và lãi là bao nhiêu, tại phiên tòa phúc thẩm anh P cũng không chứng minh, lý giải được cụ thể số vốn và lãi để điều chỉnh, ông Tr xác định vay và làm biên nhận 01 lần, cho nên được xác định số tiền nợ là 80.000.000 đồng do hai bên đã kết toán. Tại bản án sơ thẩm xác định đây là khoản nợ riêng của anh P, nên buộc anh P có trách nhiệm trả, không buộc chị L có nghĩa vụ cùng thanh toán.

[3] Anh P kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm anh P xác định đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân và anh trình bày là anh vay tiền của ông Tr nhiều lần, mục đích vay phục vụ sinh hoạt gia đình, phục vụ việc mua bán, trị bệnh cho chị L. Ông Tr xác định vay một lần và do anh P viết biên nhận, từ khi vay đến nay anh P không thanh toán nên chỉ yêu cầu anh P thanh toán số tiền trên.

[4] Đối chiếu biên nhận vay tiền thể hiện ngày 22/02/2017 anh P hẹn đến tháng 11/2018 sẽ thanh toán cho ông Tr. Tại giấy trích lục đăng ký kết hôn thể hiện ngày 23/02/2017 anh P và chị L đăng ký kết hôn, như vậy khi làm biên nhận vay tiền trước ngày đăng ký kết hôn, hơn nữa anh P thừa nhận là vay nhiều lần, như vậy số tiền vay trước ngày đăng ký kết hôn, điều đó cho thấy việc vay là riêng của anh P, tại phiên tòa anh P không chứng minh được việc vay tiền là nhằm để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa số tiền 80.000.000 đồng là số tiền lớn, nên phải có sự xác lập của vợ chồng thì vợ chồng mới có nghĩa vụ cùng thanh toán, tại cấp sơ thẩm khi chị L yêu cầu xin ly hôn với anh P thì mới phát hiện việc vay tiền của ông Tr, tại phiên tòa ông Tr cũng chỉ yêu cầu anh P thanh toán, điều này là phù hợp, cho nên cấp sơ thẩm buộc anh P có trách nhiệm thanh toán nợ là có căn cứ. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh P.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P, giữ nguyên bản án sơ thẩm hôn nhân và gia đình số: 28/2020/HNGĐ - ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện U.

[6] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 30, khoản 2 Điều 37, 56, 81, 82, 61 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh P.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 28/2020/HNGĐ - ST ngày 13/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 59, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Diệp Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Con chung: Không có.

- Tài sản chung: Gồm các tài sản 01 chiếc xe hiệu SH Mos trị giá 38.600.000 đồng; 01 tivi hiệu Nakio trị giá 6.500.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic trị giá 6.500.000 đồng; 01 dàn loa hát karaoke trị giá 5.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 56.600.000 đồng, hiện anh P quản lý. Mỗi người được chia một nửa tài sản chung. Anh Nguyễn Thanh P được nhận các tài sản này, anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ giao lại cho chị L một nửa giá trị tài sản chung được chia bằng số tiền 28.300.000 đồng (Hai mươi tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ của bà Trần Lê Diễm T và ông Trương Thanh Nh đối với chị Diệp Mỹ L.

Buộc anh Nguyễn Thanh P trả cho bà Trần Lê Diễm T và ông Trương Thanh Nh 8.300.000 (Tám triệu ba trăm ngàn) đồng.

Buộc Nguyễn Thanh P trả cho bà Châu Mỹ H số tiền 14.000.000 (Mười bốn

triệu) đồng; ông Ngô Văn Tr số tiền 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng; ông Thái N và bà Nguyễn Thị T tiền gốc 5.000.000 đồng, tiền lãi 1.419.500 đồng, tổng cộng 6.419.500 (Sáu triệu bốn trăm mười chín ngàn năm trăm) đồng; chị Điệp Mỹ L số tiền 5.882.142 (Năm triệu, tám trăm tám mươi hai ngàn, một trăm bốn mươi hai) đồng.

Buộc chị Điệp Mỹ L trả cho bà Châu Mỹ H 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H số tiền 11.764.284 (Mười một triệu bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi bốn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Châu Mỹ H đối với anh Nguyễn Thanh P và chị Điệp Mỹ L về việc trả số tiền 10.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Diệu H đối với anh Nguyễn Thanh P về việc trả số tiền 25.000.000 đồng.

- Nợ ông Lê Văn T 01 chỉ vàng 24K; nợ anh Nguyễn Hải L 7.500.000 đồng; Nợ ông Lê Văn S là 6.000.000 đồng; ông Lê Văn Kh số tiền 5.500.000 đồng, nợ ông Nguyễn Út L 10.500.000 đồng; Nợ Công ty Tài chính F và công ty T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, khi có tranh chấp có quyền kiện thành vụ kiện khác.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị Điệp Mỹ L phải nộp tổng cộng 2.903.214 đồng. Chị Điệp Mỹ L đã nộp tạm ứng án phí 1.537.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004173 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, chị Điệp Mỹ L phải nộp tiếp án phí số tiền 1.366.214 (Một triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm mười bốn) đồng.

Anh Nguyễn Thanh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng 6.850.950 (Sáu triệu, tám trăm năm mươi ngàn, chín trăm năm mươi) đồng.

Bà Nguyễn Diệu H phải nộp án phí số tiền 1.250.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004242 ngày 05/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau chuyển thu án phí, bà H phải nộp tiếp 625.000 đồng.

Bà Châu Mỹ H phải nộp án phí số tiền 525.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 622.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004588 ngày 16/9/2019 và biên lai thu số 0004586 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả bà Châu Mỹ H 97.000 (Chín mươi bảy ngàn) đồng.

Hoàn trả ông Thái N tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004291 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả ông Ngô Văn Tr tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004293 ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả ông Trương Thanh Nh và bà Trần Lê Diễm T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 418.000 (Bốn trăm mười tám ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004578 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau.

Hoàn trả Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004579 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau

- Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng, ngày 26/5/2020 anh P đã dự nộp số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0004996 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, sung quỹ nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã Khánh T, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Dương Hùng Quang

